TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT
Ngày 27-10-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng;

Bà Nguyễn Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Luyện Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H

Địa chỉ: Thôn LM, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị V

Địa chỉ: Thôn LM, xã ĐS, huyện VY, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở hiện nay: Thôn AK, xã ĐA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Hữu Th – Luật sư, Văn phòng luật sư HT, Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V kết hôn với nhau vào ngày 20-01-2005, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LG, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02-2020 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thiếu tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng với chị V không còn và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Chị Trần Thị V nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16-02-2006 và Nguyễn Đức H2, sinh ngày 12-10-2008.

Cháu Nguyễn Hoàng H1 và Nguyễn Đức H2 đều có nguyện vọng được ở với anh H. Khi ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; chị Trần Thị V đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Đức H2, để anh H nuôi con chung là Nguyễn Hoàng H1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16-02-2006 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Đức H2, sinh ngày 12-10-2008 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 27-8-2020, anh Nguyễn Đức H kháng cáo đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Anh Nguyễn Đức H cung cấp: Đơn xác định thu nhập và đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng H1, cháu Nguyễn Đức H2.

Chị Trần Thị V cung cấp: Đơn xác định thu nhập, hộ khẩu thường trú và tài sản.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Anh Nguyễn Đức H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Trần Thị V không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức H và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái về nuôi con chung. Anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức H về việc đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Trần Thị V cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16-02-2006 và Nguyễn Đức H2, sinh ngày 12-10-2008.

Theo khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục con chung; cả anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị V đều có đủ điều kiện nuôi con, nên việc giao cho mỗi người nuôi một con như Bản án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh của các bên, đảm bảo quyền lợi cho các con nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H.

[3] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh Nguyễn Đức H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

V× c¸c lÏ trªn;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái về nuôi con như sau:

Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Giao cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16-02-2006 cho anh Nguyễn Đức H và giao cháu Nguyễn Đức H2, sinh ngày 12-10-2008 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng anh H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003741 ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VY;
- Chi cục THADS huyện VY;
- UBND xã LG, huyện VY;
- Các đương sự;
- Người BVQ & LIHP của đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân